TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	**----------**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2023
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích
Ông Hà Đồng Tịnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Mai Thị B**, sinh năm 1972.
  Nơi cư trú: 263 đường C, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)
- **Bị đơn:** Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1971.
  Nơi cư trú: 12 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Trước đây bà Mai Thị B và ông Trần Văn Đ đã kết hôn vào năm 1994, sau đó ông bà ly hôn vào năm 2009. Đến năm 2010 ông bà kết hôn lại với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà số 12 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bà không tin tưởng ông Đ về mặt tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Bà Mai Thị B xác định giữa vợ chồng ông bà không còn tình cảm yêu thương nhau nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Về con chung: bà Mai Thị B xác định bà và ông Trần Văn Đ có 02 con chung là Trần Đình L, sinh ngày 15/5/1995 và Trần Đình T, sinh ngày 11/01/2000. Con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị B xác định bà và ông Trần Văn Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Mai Thị B xác định bà và ông Trần Văn Đ không có nợ chung.

- Bị đơn ông Trần Văn Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị B đối với ông Trần Văn Đ: Về hôn nhân: Cho bà Mai Thị B được ly hôn với ông Trần Văn Đ; Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: bà Mai Thị B xác định không có, ông Trần Văn Đ vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Ly hôn"* là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn Đ cư trú tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị B và ông Trần Văn Đ xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Mai Thị B xác định trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bà không tin tưởng ông Đ về mặt tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, ông bà đã sống ly thân. Đối với ông Trần Văn Đ vắng mặt không có ý kiến.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa các bên đương sự có mâu thuẫn nên cả hai người đã chọn giải pháp sống ly thân là có thật, theo kết quả xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng ông bà đã sống ly thân nhiều năm, ông Trần Văn Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến về việc ly hôn cho thấy ông Trần Văn Đ không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung giữa hai người đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị B phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Mai Thị B được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

[2.2]. Về con chung: Bà Mai Thị B xác định bà và ông Trần Văn Đ có 02 con chung đã thành niên. Con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên vấn đề nuôi dưỡng Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị B xác định bà và ông Trần Văn Đ không có tài sản chung và nợ chung, đối với ông Trần Văn Đ vắng mặt không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Mai Thị B phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn"* của bà Mai Thị B và ông Trần Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị B được ly hôn với ông Trần Văn Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, Quyển số 01/2009 do Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/6/2010 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Các con chung là Trần Đình L, sinh ngày 15/5/1995 và Trần Đình T, sinh ngày 11/01/2000 đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Mai Thị B đã nộp theo biên lai thu số: 0006531 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường A,
quận S, thành phố Đà Nẵng
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng